

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 213/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 28/6/2024.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thúy Phượng.

2. Ông Trần Tất Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần Thanh P - Sinh năm: 1985; địa chỉ: 2 ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt - có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* Bị đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc H - Sinh năm: 1987; địa chỉ: 2 ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015, ông Nguyễn Trần Thanh P và bà Đỗ Thị Ngọc H có tiến đến hôn nhân. Hôn nhân giữa ông bà là tự nguyện, ông bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/5/2015.

Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc vài năm thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm, bà H không lo cho gia đình. Từ đó giữa ông bà hay xảy ra cãi vã và đã sống ly thân.

Trong thời gian sống ly thân giữa ông bà không có sự quan tâm đến nhau mà mạnh ai nấy sống. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, ông P yêu cầu được ly hôn với bà H. Ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Trần Đỗ Lâm A - Sinh ngày 23/01/2011 và Nguyễn Trần Đỗ Tuấn K - Sinh ngày 20/4/2015. Sau khi ly hôn ông P yêu cầu được nuôi con 02 con chung. Ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, về nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Đỗ Lâm A - Sinh ngày 23/01/2011 và Nguyễn Trần Đỗ Tuấn K - Sinh ngày 20/4/2015 cho ông P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, về nợ: Ghi nhận việc nguyên đơn khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được, thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Việc kết hôn giữa ông Nguyễn Trần Thanh P và bà Đỗ Thị Ngọc H là tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/5/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc một thời gian thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn và ông P yêu cầu ly hôn với bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P kiên quyết ly hôn với bà H. Đối với bà H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Từ đó cho thấy, bà không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Do cháu Nguyễn Trần Đỗ Lâm A - Sinh ngày 23/01/2011 và Nguyễn Trần Đỗ Tuấn K - Sinh ngày 20/4/2015 đang sống với ông P, 02 con có nguyện vọng tiếp tục sống với ông và ông P cũng có nguyện vọng nuôi con sau ly hôn. Do vậy, cần giao 02 con cho ông P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận việc ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản, về nợ*: Ghi nhận việc nguyên đơn khai không có.

Bà H vắng mặt và không gửi cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu gì về con chung, tài sản, về nợ nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trần Thanh P được ly hôn với bà Đỗ Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Đỗ Lâm A - Sinh ngày 23/01/2011 và Nguyễn Trần Đỗ Tuấn K - Sinh ngày 20/4/2015 cho ông P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống với ông P.

Ghi nhận việc ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, về nợ: Ghi nhận việc nguyên đơn khai không có.

Bà H vắng mặt và không gửi cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu gì về con chung, tài sản, về nợ nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000774 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Tú